

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05/2/2018

V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Đôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến.

2. Ông Nguyễn Văn Tý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2017/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2017/QĐXX-ST ngày 03 tháng 01 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 185/2018/QĐST – HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Thôn QT3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Thôn QT3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị V trình bày:

Chị Nguyễn Thị V kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại xã Dur Kmäl, huyện K. Sau khi kết hôn vợ chồng chị V và anh T sống với nhau hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, sự việc xảy ra nhiều lần làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nhận thấy chị V và anh T không còn tình cảm, không còn yêu T nhau nữa nên chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị V và anh T ly hôn.

Về con chung: Chị V và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hoài T1, sinh ngày 28/02/2003, cháu Nguyễn Việt T2, sinh ngày: 06/6/2006. Khi ly hôn chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị V và anh T không nợ ai và không ai nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện K đã nhiều lần tới nhà để làm việc với anh T tuy nhiên anh T không có mặt ở nhà nên Tòa án nhân dân huyện K đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định của pháp luật: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên anh Nguyễn Văn T không lên Tòa án làm việc nên không tiến hành lấy lời khai được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại các Điều 28; 35; 39; 68; 97; 196; 203; 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V. Cho chị V được ly hôn với anh T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hoài T1, sinh ngày 28/02/2003 và cháu Nguyễn Việt T2, sinh ngày cho 06/6/2006 chị V trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Văn T hiện đang trú tại: Thôn QT3, Thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn lên Tòa án làm việc theo đúng quy định pháp luật được quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ 2 anh T vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử

tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị V kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại xã Dur Kmäl, huyện K. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, sự việc xảy ra nhiều lần làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Quá trình xác minh, chính quyền địa phương nơi chị V và anh T sinh sống cho biết trong cuộc sống chị V và anh T hay xảy ra mâu thuẫn, anh T có hành vi đánh chị V. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị V và anh T ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị V và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hoài T1, sinh ngày 28/02/2003, cháu Nguyễn Việt T2, sinh ngày: 06/6/2006. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi 02 con chung đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, xem xét tình hình thực tế của chị Nguyễn Thị V có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày, hơn nữa nguyện vọng của hai cháu là được ở với mẹ. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần giao hai cháu là cháu Nguyễn Thị Hoài T1, sinh ngày 28/02/2003, cháu Nguyễn Việt T2, sinh ngày: 06/6/2006 cho chị Nguyễn Thị V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là hợp lý và cũng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu về ăn mặc, học hành cùng những điều kiện khác cho sự phát triển về tinh thần và thể chất của các cháu.

Chị Nguyễn Thị V không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị V và anh T không nợ ai và không ai nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí **ly hôn** sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 ; khoản 4 Điều 147 ; Điều 177, Điều 179; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị V.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cả hai cháu là cháu Nguyễn Thị Hoài T1, sinh ngày 28/02/2003, cháu Nguyễn Việt T2, sinh ngày 06/6/2006 cho chị Nguyễn Thị V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị V không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị V đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số 0004099 ngày 23/10/2017.

Chị Nguyễn Thị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo thủ tục hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Đôn